

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGÔ THỊ HOÀNG GIANG

SỰ HÀI LÒNG VỚI CUỘC SỐNG CỦA TRẺ EM TỪ
8 ĐẾN 12 TUỔI

Chuyên ngành: Tâm lý học

Mã số: 62 31 04 01

TÓM TẮT LUẬN ÁN TIẾN SỸ TÂM LÝ HỌC

HÀ NỘI, 2022

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐH Quốc gia Hà Nội

Người hướng dẫn khoa học PGS.TS. Trương Thị Khánh Hà

PGS.TS. Trịnh Thị Linh

Phản biện:

Phản biện:

Phản biện:

Luận án sẽ được bảo vệ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia chấm luận án tiến sĩ họp tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

vào hồi:.....giờ.....ngày.....tháng.....năm 2020

Có thể tìm luận án tại:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Trung tâm Thông tin - Thư viện, Đại học Quốc gia Hà Nội

MỞ ĐẦU

1. LÝ DO CHỌN ĐỀ TÀI

1.1. Trẻ em giữ một vị trí vô cùng quan trọng đối với mỗi quốc gia, dân tộc. Một trong những dấu hiệu cho thấy một đất nước đạt tiêu chuẩn phát triển chính là việc đảm bảo hạnh phúc cũng như chất lượng cuộc sống cho tất cả các công dân mà trên hết là trẻ em (James và James, 2012, tr. 59). Chính vì vậy, các nhà nghiên cứu đã đi tìm hiểu sự hài lòng với cuộc sống và ý nghĩa của nó với trẻ em trong độ tuổi đến trường (Gilman & Huebner, 2003; Ben-Arieh, 2010). Tuy nhiên, trong nhiều nghiên cứu về sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em thường do các chuyên gia, cha mẹ hoặc thầy cô đánh giá mà còn ít nghiên cứu tìm hiểu chính những đánh giá của trẻ em về sự hài lòng với cuộc sống của chúng (Ben-Arieh, 2008; Ben-Arieh, 2010) hay nói cách khác ý kiến riêng của trẻ em hiếm khi được đề cập đến (Camfield & Tafere, 2009; Fattore và đồng nghiệp, 2012). Đây là vấn đề rất đáng lưu tâm vì những quan điểm, những suy nghĩ của người lớn không phải lúc nào cũng giống như trẻ em. Mỗi chủ thể khác nhau có nhận thức và đánh giá khác nhau về cùng một thực tế xã hội. Chúng ta phải xem xét cảm nhận của trẻ em như một chủ thể trong xã hội để hiểu biết đầy đủ hơn về xã hội của chúng, đặc biệt là khía cạnh của đời sống xã hội có liên quan hoặc ảnh hưởng đến chính các em (Casas, 2011). Hơn nữa, những thông tin về cuộc sống của trẻ sẽ có giá trị nhất khi đến từ chính trẻ em đó (Casas, 2016a, 2016b). Do vậy, người lớn nói chung và những nhà hoạch định chính sách nói riêng cần tính đến cảm nhận và tiếng nói của các em (Andresen và cộng sự, 2010). Việc nghiên cứu sự hài lòng về cuộc sống của trẻ em thông qua tìm hiểu chính những quan điểm của trẻ không chỉ quan trọng đối với việc hiểu rõ yêu cầu, mong muốn của các em mà còn quan trọng đối với cha mẹ, thầy cô và trên hết là trong vấn đề xây dựng chính sách cho trẻ em (Ben-Arieh và đồng nghiệp, 2001).

1.2. Một số nghiên cứu cho thấy, SHLCS của trẻ em có vai trò quan trọng góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của trẻ (Proctor và đồng nghiệp, 2008). Nhờ có SHLCS giúp cho trẻ chống lại các tác động căng thẳng và sự phát triển các hành vi tiêu cực ở trẻ (Suldo và Huebner, 2004a). Các nghiên cứu còn chỉ ra rằng, SHLCS của trẻ em thấp sẽ ảnh hưởng đến tình trạng sức khỏe của trẻ (Frisch, 1999) như khởi phát trầm cảm trong khoảng thời gian hai đến ba năm sau đó

(Lewinsohn, Redner và Seeley, 1991; Proctor và đồng nghiệp, 2008), ảnh hưởng đến mối quan hệ giữa các cá nhân (Furr & Funder, 1998) và tình trạng bỏ học của trẻ (Frisch và đồng nghiệp, 2002). Do đó, việc nghiên cứu sự hài lòng với cuộc sống của trẻ và các yếu tố ảnh hưởng có thể hỗ trợ phát triển các chiến lược nhằm nâng cao sức khỏe tinh thần ở trẻ em và xây dựng chiến lược tăng cường SHLCS của trẻ (Proctor và đồng nghiệp, 2008; Ben-Arieh, 2010).

1.3. Hiện nay, có khá nhiều nghiên cứu về SHLCS của trẻ em như: Nghiên cứu các mặt biểu hiện SHLCS của trẻ em (Huebner, 1994; Gilman & Huebner, 2003; Bradshaw và đồng nghiệp, 2010; Rees và đồng nghiệp, 2012; Trần Thu Hương và Ngô Thanh Huệ, 2018; Nguyễn Văn Lược và đồng nghiệp, 2018); Nghiên cứu về mức độ SHLCS của trẻ em (Huebner & Alderman, 1993; Park, 2000; Proctor và đồng nghiệp, 2008; Casas, 2011; Goswami, 2014); Nghiên cứu về yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em (Suldo & Huebner, 2004; Proctor và đồng nghiệp, 2008; Ngô Thanh Huệ và Lê Thị Mai Liên, 2013; Trương Thị Khánh Hà và đồng nghiệp, 2017; Lê Thị Mai Liên và đồng nghiệp, 2017); Nghiên cứu xây dựng thang đo đánh giá SHLCS của trẻ em (Huebner & Gilman, 2002; Selihson và đồng nghiệp, 2003; Savahl và đồng nghiệp, 2017; Casa, 2021).

Tuy nhiên, các nghiên cứu về trẻ em tập trung chủ yếu ở lứa tuổi 6-7 tuổi là giai đoạn trẻ bắt đầu đến trường hay lứa tuổi 12 đến 15 là giai đoạn tuổi dậy thì với nhiều biến đổi về tâm sinh lý. Trong khi đó, những dữ liệu khoa học về đời sống tâm lý của trẻ em từ 8 đến 12 tuổi còn thiếu vắng ở Việt Nam, đặc biệt là những nghiên cứu về những trải nghiệm chủ quan và đánh giá của trẻ em lứa tuổi này về sự hài lòng với cuộc sống và những yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ.

Vì vậy, nghiên cứu SHLCS của trẻ em dưới góc độ Tâm lý học và tìm ra những yếu tố ảnh hưởng đến SHLCS của trẻ, giúp trẻ hài lòng hơn với cuộc sống là một điều vô cùng quan trọng. Xuất phát từ những lý do trên, tôi chọn vấn đề: “*Sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em từ 8 đến 12 tuổi*” làm đề tài nghiên cứu của mình.

2. MỤC ĐÍCH NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu lý luận và thực trạng sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em, qua đó đưa ra một số kiến nghị với gia đình, nhà trường, xã hội giúp trẻ hài lòng hơn với cuộc sống.

3. ĐỐI TƯỢNG NGHIÊN CỨU

Sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em

4. KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

L luận án tiến hành trên 1321 trẻ em lứa tuổi từ 8 tuổi đến 12 tuổi đang theo học tại các trường tiểu học và các trường trung học cơ sở.

5. GIẢ THUYẾT NGHIÊN CỨU

5.1. Đa số trẻ em trong độ tuổi từ 8 đến 12 tuổi đều hài lòng với cuộc sống của bản thân trẻ, hài lòng với môi trường và những người xung quanh ở phạm vi tích cực.

5.2. Sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân trong gia đình; Sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè; Sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống; Hoạt động vui chơi, giải trí; Giúp đỡ gia đình và chơi thể thao; Học thêm và làm bài tập có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em. Yếu tố bị bạn bè bắt nạt ảnh hưởng tiêu cực đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em.

5.3. Sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân trong gia đình có ảnh hưởng lớn nhất đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em.

6. NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU

6.1. Nghiên cứu lý luận

(1) Tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước về sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em (các kết quả đạt được, các khoảng trống cần nghiên cứu gợi ý cho nghiên cứu này của tác giả).

(2) Tìm hiểu các phương pháp, công cụ nghiên cứu đề tài luận án

(3) Xây dựng cơ sở lý luận nghiên cứu sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em.

6.2. Nghiên cứu thực tiễn

(1) Làm rõ thực trạng sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em cũng như tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em.

(2) Đưa ra một số kiến nghị với gia đình, nhà trường và xã hội nhằm giúp cho trẻ hài lòng hơn với cuộc sống

7. PHƯƠNG PHÁP LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

7.1. Quan điểm phương pháp luận nghiên cứu

Luận án dựa trên các quan điểm tiếp cận: Nguyên tắc hoạt động; Nguyên tắc tiếp cận hệ thống; Nguyên tắc phát triển.

7.2. Phương pháp nghiên cứu

Để giải quyết các nhiệm vụ đề ra, nghiên cứu sử dụng phối hợp các phương pháp sau: Phương pháp nghiên cứu trên tài liệu, điều tra bằng bảng hỏi, phỏng vấn sâu, nghiên cứu trường hợp, phân tích thống kê và phân tích định tính

8. PHẠM VI NGHIÊN CỨU

8.1. Về nội dung

Trong phạm vi nghiên cứu này, tôi chỉ tập trung nghiên cứu sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em từ 8 đến 12 tuổi thông qua: Sự hài lòng với cuộc sống của bản thân trẻ (về bề ngoài, sức khỏe, sự tự do, sự an toàn, những điều sắp xảy ra, cuộc sống nói chung); Sự hài lòng với môi trường và mọi người xung quanh trẻ (Những người sống cùng trẻ, khi trẻ là học sinh, những điều học được ở trường, bạn bè trong lớp, khu vực sống, sự lắng nghe của người lớn).

Do khách thể là trẻ nhỏ nên thang đo dành cho trẻ không được quá dài. Vì vậy, luận án không nghiên cứu các yếu tố liên quan đến di truyền, khí chất, tính cách, năng lực của trẻ... mà chỉ tập trung nghiên cứu một số yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ đó là: Sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân trong gia đình; Sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè; Sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực

sống; Hoạt động vui chơi, giải trí; Giúp đỡ gia đình và chơi thể thao; Học thêm và làm bài tập; Bị bạn bè bắt nạt.

8.2. Về địa bàn và khách thể

Về địa bàn nghiên cứu:

Luận án tiến hành nghiên cứu những trẻ đang được đi học tại các trường tiểu học và trường trung học cơ sở trên địa bàn Hà Nội (Trường Tiểu học Khương Đình, trường THCS Hoàng Mai, Trường Tiểu học Phú Cường, Trường THCS Phú Cường), Bắc Giang (Trường tiểu học Ngô Sĩ Liên, trường THCS Ngô Sĩ Liên), Thái Nguyên (Trường tiểu học Phú Xá, trường THCS Phú Xá).

Về khách thể nghiên cứu:

Đề tài chỉ nghiên cứu những trẻ đang đi học ở các trường tiểu học và trung học cơ sở trong độ tuổi 8 đến 12 tuổi, trên địa bàn Hà nội, Bắc Giang và Thái Nguyên.

Do khách thể nghiên cứu là trẻ chưa trưởng thành nên việc lựa chọn mẫu nghiên cứu phải đảm bảo nguyên tắc tự nguyện của trẻ cũng như sự đồng ý của những người quản lý, nuôi dưỡng trẻ như thầy cô giáo và cha mẹ của trẻ.

9. ĐÓNG GÓI MỚI CỦA LUẬN ÁN

9.1. Về lý luận

Nghiên cứu sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em cung cấp thêm cơ sở khoa học và thực tiễn cho lĩnh vực tâm lý học gia đình, tâm lý học giáo dục, tâm lý học phát triển, tâm lý học tích cực. Luận án đã hệ thống các tài liệu về sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em, xây dựng các khái niệm: Sự hài lòng với cuộc sống, sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em. Từ đó, luận án đưa ra những kiến nghị góp phần giúp cho trẻ hài lòng với cuộc sống và đạt được hạnh phúc trong cuộc sống.

9.2. Về thực tiễn

Luận án làm rõ thực trạng sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em thông qua các mặt biểu hiện cụ thể, đưa ra những kiến nghị góp phần nâng cao sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em.

10. CẤU TRÚC CỦA LUẬN ÁN

Luận án bao gồm phần mở đầu, bốn chương nội dung chính, kết luận, kiến nghị, danh mục các công trình khoa học đã công bố có liên quan đến luận án, danh mục tài liệu tham khảo và phụ lục. Các chương nội dung chính bao gồm:

Chương 1: Tổng quan các nghiên cứu về sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em

Chương 2: Cơ sở lý luận về sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em

Chương 3: Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

Chương 4: Kết quả nghiên cứu thực trạng về sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN CÁC NGHIÊN CỨU VỀ SỰ HÀI LÒNG VỚI CUỘC SỐNG CỦA TRẺ EM

1.1. Nghiên cứu về các mặt biểu hiện sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em

Một số nghiên cứu cũng chỉ ra nhiều khía cạnh khác nhau của sự hài lòng như: bản thân trẻ, gia đình, nhà trường, xã hội, môi trường sống, bạn bè đồng giới, bạn bè khác giới, thể chất, tình dục, giải trí... (Huebner, Smilelin, Ash, & Gilman, 1998; Gilman, Huebner, & Smilelin, 2000; Gilman và Huebner, 2003; Nick Axford, 2009; Proctor, Linley và Maltby, 2008; Rees và đồng nghiệp, 2010, 2012; Bradshaw và đồng nghiệp, 2010; Ngô Thanh Huệ và Lê Thị Mai Liên, 2013; Trương Thị Khánh Hà và đồng nghiệp, 2017; Trần Thu Hương và Ngô Thanh Huệ, 2018; Nguyễn Văn Lược và đồng nghiệp, 2018).

Theo các tác giả của dự án Thế giới trẻ em (Casas, 2017; Savahl và các cộng sự, 2021), khi đánh giá sự hài lòng với cuộc sống của trẻ cần chú ý tới hai lĩnh vực, thứ nhất là sự hài lòng của trẻ về môi trường và mọi người xung quanh trẻ; thứ hai là sự hài lòng với cuộc sống của bản thân trẻ. Theo các tác giả, sự hài lòng của trẻ về môi trường và mọi người xung quanh bao gồm các khía cạnh: sự hài lòng của trẻ với những người trẻ em sống cùng; với cuộc sống của trẻ với tư

cách là một học sinh; về những điều trẻ học được ở trường; về bạn bè trong lớp của trẻ; về khu vực nơi trẻ đang sống; với sự lắng nghe của người lớn đối với trẻ. Sự hài lòng với cuộc sống của bản thân trẻ bao gồm các khía cạnh: sự hài lòng với cảm nhận về sự an toàn của trẻ; với sự tự do mà trẻ có; với vẻ bề ngoài của trẻ; với những điều có thể xảy ra sắp tới trong cuộc sống của trẻ; với sức khỏe của trẻ; và với cuộc sống nói chung của trẻ.

Qua tổng quan nghiên cứu, những dữ liệu khoa học về đời sống tâm lý của trẻ em từ 8 đến 12 tuổi còn thiếu vắng ở Việt Nam, đặc biệt là những nghiên cứu về những trải nghiệm chủ quan và đánh giá của trẻ em lứa tuổi này về sự hài lòng với cuộc sống và những yếu tố ảnh hưởng đến cuộc sống của trẻ. Chính vì vậy, nghiên cứu của chúng tôi đi tìm hiểu mức độ hài lòng với cuộc sống nói chung của trẻ em, các yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ và khi nào trẻ em sẽ cảm thấy hài lòng nhất với cuộc sống thông qua đánh giá từ chính những trẻ em trong độ tuổi 8 đến 12.

1.2. Nghiên cứu về mức độ hài lòng với cuộc sống của trẻ em

Hầu hết trẻ em đều đánh giá sự hài lòng với cuộc sống tổng thể của chúng một cách tích cực (Greenspoon & Saklofske, 1997; Huebner, Drane, & Valois, 2000, Leung & Zhang, 2000; Casas, ASHLinet, Rossich, Huebner, & Smilelin, 2001; Park, 2000; Rich Gilman và Scott Huebner, 2003; Proctor, Linley và Maltby, 2008; Strózik, 2016).

Nhiều nghiên cứu cho thấy sự hài lòng trong cuộc sống của trẻ em và thanh thiếu niên giảm theo độ tuổi (Casas, 2011; Currie và đồng nghiệp, 2012; Goswami 2014).

Các hướng nghiên cứu tập trung chủ yếu vào các khía cạnh của sự hài lòng cuộc sống, sự hài lòng cuộc sống tổng thể, mức độ sự hài lòng với cuộc sống mà chưa đề cập nhiều đến sự hài lòng với cuộc sống cá nhân của bản thân trẻ Việt Nam từ 8 đến 12 tuổi mà trong đó các em là chủ thể của hoạt động và đánh giá.

1.3. Nghiên cứu về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống

Sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân giúp thúc đẩy SHL tích cực ở trẻ em (Greenberg và đồng nghiệp, 1983;

Greenberg, 1983; Dew và Huebner, 1994; Gilman và Huebner, 1997; Leung và Zhang, 2000; Flouri và Buchanan, 2002; Zimmerman, 1995; Oliva và Arranz, 2005; Greene, 2006; Proctor, Linley và Maltby, 2008). Sự quan tâm, chăm sóc của cha mẹ ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng với cuộc sống (Ortman, 1988; Leung, 2004). Ngược lại những vấn đề tiêu cực trong gia đình làm giảm SHLCS của trẻ (McFarlane, 1995; Shek, 1997a-c, 2002a, b). SHLCS không chỉ bị ảnh hưởng bởi mối quan hệ với cha mẹ mà còn bởi chất lượng của mối quan hệ anh chị em (Oliva và Arranz, 2005).

Sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè ảnh hưởng đến SHLCS của trẻ em (Maton, 1990; Gilman, 2001; Strózik, 2016)

SHLCS của trẻ em tăng lên khi trẻ nhận được sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống (Gilman và Barry, 2003; Schiff và đồng nghiệp, 2006; Proctor, Linley và Maltby, 2008).

Việc trẻ tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động ngoại khóa, vui chơi, giải trí, thể dục thể thao, giúp đỡ người khác, tham gia các công việc gia đình có ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng cuộc sống (Headey and Wearing, 1992; Argyle, 2001; Praage và đồng nghiệp, 2003; McCullough, 2000; Ash và Huebner, 2001; Gilman, 2001).

Những tác động tiêu cực của việc bị bắt nạt đối với SHLCS và sức khỏe tâm thần của trẻ em đã được đưa ra trong các nghiên cứu khác nhau ở nhiều quốc gia (Rigby, 2000; Valois và đồng nghiệp, 2001). Sự ảnh hưởng của yếu tố tuổi, giới tính, sắc tộc, điều kiện kinh tế và SHLCS là rất nhỏ (Dew & Huebner, 1994; Gilman và Huebner, 2003; Proctor, Linley và Maltby, 2008).

1.4. Nghiên cứu xây dựng thang đo đánh giá sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em

Thang đo BMSLSS của Seligson và cộng sự, 2003; PWI-SC (The Personal Well-Being Index-School Children) của Cummins và Lau, 2005.

Tiểu kết chương 1

Việc triển khai đánh giá sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em là điều rất cần thiết để các nhà nghiên cứu và các nhà giáo dục phát hiện ra những trẻ có mức độ hài lòng thấp về cuộc sống. Từ đó đánh giá kết quả của các chương trình nghiên cứu giáo dục được thiết kế nhằm giúp cho trẻ hài lòng hơn với cuộc sống.

Trong nhiều nghiên cứu, mức độ hài lòng tổng thể về cuộc sống của trẻ em ở mức độ cao và được biểu hiện trên nhiều khía cạnh khác nhau. Tuy nhiên trong nghiên cứu này, chúng tôi đi sâu tìm hiểu sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em từ 8 đến 12 tuổi thông qua: sự hài lòng của trẻ về môi trường và mọi người xung quanh bao gồm các khía cạnh: sự hài lòng của trẻ với những người trẻ em sống cùng; với cuộc sống của trẻ với tư cách là một học sinh; về những điều trẻ học được ở trường; về bạn bè trong lớp của trẻ; về khu vực nơi trẻ đang sống; với sự lắng nghe của người lớn đối với trẻ. Sự hài lòng với cuộc sống của bản thân trẻ bao gồm các khía cạnh: sự hài lòng với cảm nhận về sự an toàn của trẻ; với sự tự do mà trẻ có; với vẻ bề ngoài của trẻ; với những điều có thể xảy ra sắp tới trong cuộc sống của trẻ; với sức khỏe của trẻ; và với cuộc sống nói chung của trẻ.

Về các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ, chúng tôi tập trung nghiên cứu những yếu tố, đó là: Sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ; Sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè; Sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống; Bị bạn bè bắt nạt; Hoạt động vui chơi, giải trí; Giúp đỡ gia đình và chơi thể thao; Học thêm và làm bài tập; Điều kiện kinh tế.

CHƯƠNG 2

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ SỰ HÀI LÒNG VỚI CUỘC SỐNG CỦA TRẺ EM

2.1. Các quan điểm lý thuyết về sự hài lòng với cuộc sống

Sự hài lòng với cuộc sống có thể được tiếp cận theo hai cách:

(1) Cách tiếp cận từ dưới lên (bottom-up), sự hài lòng với cuộc sống là kết quả tổng hợp của sự hài lòng với các khía cạnh khác nhau của cuộc sống;

(2) Cách tiếp cận từ trên xuống (top-down), sự hài lòng với cuộc sống là nhân tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với các khía cạnh cụ thể

Tác giả Jussi Suikkanen (2011) đưa ra 3 cách tiếp cận khác nhau về sự hài lòng với cuộc sống như sau: quan điểm nhận thức về sự hài lòng với cuộc sống, quan điểm sự hài lòng xuất phát từ cảm xúc, quan điểm tích hợp về sự hài lòng đối với cuộc sống của cá nhân.

2.2. Các khái niệm cơ bản

2.2.1. Sự hài lòng với cuộc sống

Sự hài lòng với cuộc sống là sự thỏa mãn với cuộc sống nói chung của cá nhân dựa trên đánh giá của họ về các lĩnh vực khác nhau của đời sống.

2.2.2. Trẻ em

Trẻ em là một thuật ngữ nhằm chỉ một nhóm xã hội thuộc một độ tuổi nhất định trong giai đoạn đầu của sự phát triển loài người

2.2.3. Sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em

Sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em là sự thỏa mãn của trẻ với cuộc sống nói chung của cá nhân dựa trên đánh giá của các em về môi trường, mọi người xung quanh và cuộc sống của bản thân trẻ.

2.3. Một số đặc điểm tâm lý của trẻ em từ 8 đến 12 tuổi

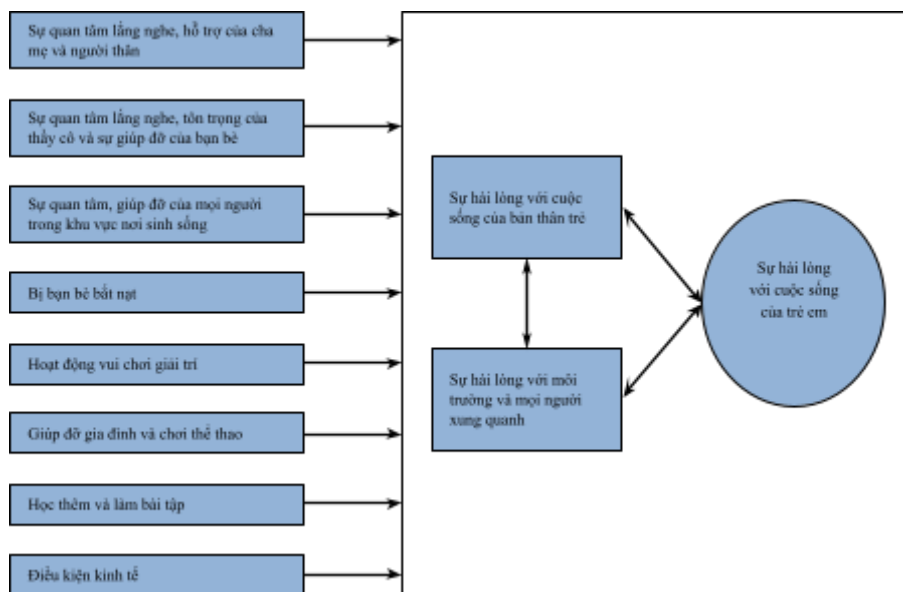
- ✓ Sự phát triển tư duy diễn ra mạnh mẽ nhất.
- ✓ Thời gian ngôn ngữ phát triển mạnh, vốn từ của trẻ tiếp tục được mở rộng
- ✓ Tự đánh giá bản thân
- ✓ Nhu cầu giao tiếp bạn bè bắt đầu đóng vai trò quan trọng
- ✓ Tình cảm của các em được phát triển phong phú và sâu sắc

2.4. Một số yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em

Nghiên cứu đi tìm hiểu một số yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em: Sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và

người thân; Sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè; Sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống; Bị bạn bè bắt nạt; Hoạt động vui chơi, giải trí; Giúp đỡ gia đình và chơi thể thao; Học thêm và làm bài tập; Điều kiện kinh tế.

2.5. Mô hình lý thuyết nghiên cứu sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em



Tiểu kết chương 2

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng sau: Sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân; Sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè; Sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống; Bị bạn bè bắt nạt; Hoạt động vui chơi, giải trí; Giúp đỡ gia đình và chơi thể thao; Học thêm và làm bài tập; Điều kiện kinh tế. Ở Việt Nam, còn rất ít những nghiên cứu đi sâu tìm hiểu ảnh hưởng của những yếu tố này đối với sự hài lòng với cuộc sống của trẻ. Đó là một trong những khoảng trống mà chúng tôi muốn tìm hiểu trong nghiên cứu này.

CHƯƠNG 3

TỔ CHỨC VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

3.1. Địa bàn và khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện tại 08 trường tiểu học và THCS ở Hà Nội, Bắc Giang, Thái Nguyên.

3.2. Tổ chức nghiên cứu

Luận án được tiến hành nghiên cứu từ tháng 12/2017-12/2020. Quy trình tổ chức nghiên cứu gồm 4 giai đoạn: 1) Nghiên cứu lý luận; 2) Chuẩn bị công cụ nghiên cứu; 3) Điều tra thực tiễn; 4) Xử lý dữ liệu và viết báo cáo.

3.3. Các phương pháp nghiên cứu

3.3.1. Phương pháp nghiên cứu tài liệu: Nhằm khái quát tổng quan vấn đề nghiên cứu, xây dựng cơ sở lý luận cho luận án, xác lập hệ thống khái niệm công cụ cho đề tài.

3.3.2. Phương pháp điều tra bằng bảng hỏi: Nhằm khảo sát thực trạng sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em và các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ thông qua sự đánh giá của trẻ.

3.3.3. Phương pháp phỏng vấn sâu: Phương pháp phỏng vấn sâu nhằm thu thập thông tin để bổ sung, kiểm tra và làm rõ hơn những

thông tin thu được từ kết quả khảo sát trên diện rộng, đồng thời làm rõ hơn những yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em.

3.3.4. Phương pháp phân tích định tính: Chúng tôi sử dụng phương pháp phân tích định tính để khai thác thêm thông tin về sự hài lòng với cuộc sống của trẻ, bổ trợ thêm cho phương pháp phân tích định lượng.

3.3.5. Phương pháp nghiên cứu trường hợp: Nhằm tìm hiểu các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em, chúng tôi phân tích chân dung hai trường hợp điển hình. Kết quả phân tích sẽ góp thêm bằng chứng thuyết phục vào kết quả nghiên cứu của luận án.

3.3.6. Phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học

* Các phương pháp phân tích thống kê và đánh giá

Phân tích thống kê mô tả:

+ Điểm trung bình (mean): Cách tính này được dùng trong việc tính điểm đạt được của từng câu cũng như từng mặt biểu hiện của sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em.

+ Độ lệch chuẩn (Standard deviation): Được dùng để miêu tả mức độ phân tán hay mức độ tập trung của các câu trả lời trong toàn mẫu.

+ Tần suất, tỷ lệ % cho các phương án trả lời của từng ý kiến.

+ Thang đo mức độ sự hài lòng tính theo công thức như sau:

Nếu $\bar{M} \leq \text{Mean} - \text{SD}$: Hài lòng ở mức độ thấp

Nếu $\text{Mean} - \text{SD} < \bar{M} \leq \text{Mean} + \text{SD}$: Hài lòng ở mức độ trung bình

Nếu $\bar{M} > \text{Mean} + \text{SD}$: Hài lòng ở mức độ cao

- Phân tích thống kê suy luận:

+ Phân tích so sánh: Trong nghiên cứu này chúng tôi sử dụng phép so sánh giá trị trung bình (compare means). Các giá trị trung bình được coi là khác nhau có ý nghĩa về mặt thống kê với xác suất $P < 0,05$. Thống số thống kê này được sử dụng nhằm xác định có mối liên hệ

giữa sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em với các yếu tố như giới tính, độ tuổi, khu vực sống không. Khi so sánh sự khác biệt giữa hai nhóm khách thể về mức độ hài lòng với cuộc sống, chúng tôi dùng phép phân tích Independent samples t-test.

+ Phân tích tương quan nhị biến dùng để tìm hiểu sự liên hệ bậc nhất giữa hai biến số, nghĩa là sự biến thiên ở một biến số xảy ra đồng thời với sự biến thiên ở biến số kia như thế nào trong cùng một thời điểm. Mức độ liên kết hay độ mạnh của mối liên hệ giữa hai biến số được đo bởi hệ số r . Dựa vào hệ số xác suất (p) ta có thể biết mức độ ý nghĩa của mối liên hệ. Ở đây, chúng tôi chọn $P=0,05$ là mức độ có ý nghĩa. Khi $P<0,05$ thì giá trị r được chấp nhận là có ý nghĩa cho phân tích về mối liên hệ giữa hai biến số.

+ Phân tích hồi quy tuyến tính để xem xét mối quan hệ giữa một biến số phụ thuộc với một hay nhiều biến số độc lập, nhằm xác định sự thay đổi của biến phụ thuộc khi có sự thay đổi của biến độc lập trên cơ sở nghiên cứu các thông số R²-Test, hệ số Beta cùng với giá trị $p<0,05$. Chúng tôi sử dụng phép hồi quy để dự đoán sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em sẽ thay đổi như thế nào khi có sự tác động của các yếu tố như: gia đình, trường học, khu vực sống, vui chơi-giải trí-thư giãn, sự tham gia công việc gia đình và chơi thể thao, học thêm và làm bài tập, bị bạn bè bắt nạt/trêu chọc, điều kiện kinh tế gia đình.

Tiểu kết chương 3

Trong chương này, chúng tôi đã trình bày về tiến trình thực luận án gồm 2 giai đoạn. Các phương pháp mà chúng tôi sẽ sử dụng để thu thập và phân tích số liệu bao gồm: phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp xin ý kiến chuyên gia, phương pháp điều tra bằng bảng hỏi, phương pháp phỏng vấn sâu, phương pháp phân tích định tính, phương pháp phân tích chân dung tâm lý điển hình phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học. Các thông tin lý luận và thực tiễn là cơ sở quan trọng để xây dựng cơ sở lý luận, bộ công cụ nghiên cứu của đề tài. Ở từng phương pháp, chúng tôi xác định rõ mục đích, nội dung cũng như cách thức tiến hành.

Chúng tôi tiến hành điều tra thử, sau đó chỉnh sửa, hoàn thiện bộ công cụ nghiên cứu của luận án. Những phương pháp nghiên cứu đảm bảo tính chính xác và khoa học của kết quả nghiên cứu thực tiễn.

CHƯƠNG 4

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU THỰC TRẠNG VỀ SỰ HÀI LÒNG VỚI CUỘC SỐNG CỦA TRẺ EM

4.1. Thực trạng sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em

4.1.1. Đánh giá của trẻ em về mức độ hài lòng với cuộc sống của bản thân trẻ

Qua kết quả nghiên cứu về sự hài lòng với cuộc sống bản thân của trẻ từ 10 đến 12 tuổi, chúng tôi nhận thấy, đa phần trẻ em có mức độ hài lòng trung bình về cuộc sống bản thân. Nhóm trẻ 8 tuổi có mức độ hài lòng cao nhất (ĐTB=8,36; ĐLC=1,41), mức độ hài lòng thấp nhất là trẻ thuộc nhóm tuổi 12 (ĐTB=7,95; ĐLC=1,64). Đặc biệt, trong nhóm trẻ 10 và 12 tuổi, trẻ em thành thị hài lòng với cuộc sống nói chung, hài lòng với sự an toàn, về bề ngoài và hài lòng với những điều sắp xảy ra cao hơn trẻ em vùng nông thôn.

4.1.2. Đánh giá của trẻ em về mức độ hài lòng với môi trường và mọi người xung quanh

Khi xét mức độ hài lòng với môi trường và mọi người xung quanh, phần lớn trẻ em có mức độ hài lòng trung bình với các khía cạnh của cuộc sống của trẻ bao gồm gia đình, trường học, bạn bè, người lớn và khu vực sống. Trẻ em 8 tuổi có mức độ hài lòng cao nhất (ĐTB=8,78; ĐLC=1,01), tiếp theo đó là nhóm trẻ em 10 tuổi với mức độ hài lòng thấp hơn một chút (ĐTB=8,76; ĐLC=1,27) và cuối cùng là nhóm trẻ 12 tuổi với mức độ hài lòng thấp nhất (ĐTB=8,28; ĐLC=1,42). Mức độ hài lòng có xu hướng giảm đi theo lứa tuổi. Khi so sánh theo giới tính của trẻ 8 tuổi, bé gái có mức độ hài lòng về gia đình và về các khía cạnh cuộc sống cao hơn bé trai. Khi so sánh theo khu vực sống của trẻ 8 tuổi, trẻ em nông thôn có mức độ hài lòng với bạn bè cao hơn trẻ sống ở thành thị. Nhưng khi xét các khía cạnh gia đình, trường học, khu vực sống và sự hài lòng với các khía cạnh của cuộc sống của trẻ 10 và 12 tuổi, trẻ em thành thị lại có mức độ hài lòng cao hơn.

4.1.3. Mối quan hệ giữa sự hài lòng với cuộc sống của bản thân trẻ với cảm nhận hạnh phúc

Tất cả các mặt biểu hiện của sự hài lòng với cuộc sống bản thân của trẻ em bao gồm các khía cạnh sự an toàn, sự tự do, về bề ngoài, những điều sắp xảy ra, sức khỏe, cuộc sống nói chung đều tương quan chặt chẽ với nhau, hệ số tương quan Pearson r biến thiên từ 0,345 đến 0,570. Từng mặt biểu hiện của sự hài lòng đều có tương quan chặt chẽ với nhau. Đặc biệt, mức độ hài lòng với cuộc sống nói chung tương quan mạnh mẽ nhất với sự hài lòng của bản thân trẻ ($r=0,793$; $p<0,001$). Điều này chứng tỏ các mặt biểu hiện trên có liên quan chặt chẽ với nhau, sự tăng lên hay giảm xuống một mặt nào đó có thể dẫn đến sự tăng lên hay giảm xuống của các khía cạnh khác nhau của bản thân trẻ với cuộc sống.

Tất cả các mặt biểu hiện của sự hài lòng với cuộc sống bản thân trẻ đều tương quan thuận một cách có ý nghĩa với cảm nhận hạnh phúc (r biến thiên từ 0,443 đến 0,749; $p < 0,001$). Đặc biệt, sự hài lòng của bản thân trẻ về cuộc sống tương quan mạnh nhất đến cảm nhận hạnh phúc ($r=0,749$; $p<0,001$). Điều đó cho chúng ta thấy, khi trẻ càng hài lòng với cuộc sống bản thân thì cảm nhận hạnh phúc của trẻ càng mạnh mẽ hơn và sâu sắc hơn.

4.2. Thực trạng một số yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em

Trên cơ sở lý luận và nội dung phân tích cụ thể trong chương 2, chúng tôi tiến hành nghiên cứu một số yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em như sau:

Yếu tố 1 (Y1): Sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân bao gồm 6 items: Có những người trong gia đình em quan tâm đến em; Nếu em có khó khăn, mọi người trong gia đình em sẽ giúp em; Mọi người có những khoảng thời gian vui vẻ cùng nhau trong gia đình; Em cảm thấy an toàn ở nhà; Cha mẹ lắng nghe em và xem xét đến những gì em nói; Cha mẹ và em cùng nhau đưa ra những quyết định liên quan đến cuộc sống của em.

Yếu tố 2 (Y2): Sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè bao gồm 6 items: Các thầy/cô giáo của em quan tâm đến em; Nếu em có vấn đề ở trường, các thầy/cô của em sẽ giúp em; Nếu có vấn đề gì ở trường, các bạn khác sẽ giúp em; Các thầy/cô giáo của em lắng nghe em và xem xét những gì em nói; Ở

trường, em có cơ hội để đưa ra những quyết định liên quan đến những việc quan trọng đối với em; Em cảm thấy an toàn ở trường;

Yếu tố 3 (Y3): Sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống bao gồm 5 items: Em cảm thấy an toàn khi đi quanh khu vực nơi em sống; Ở khu vực của em có đủ chỗ để chơi và để có những khoảng thời gian vui vẻ, thoải mái; Nếu em có vấn đề gì thì có những người ở khu vực của em sẽ giúp em; Những người lớn ở khu vực của em thân thiện với trẻ em; Người lớn ở khu vực của em lắng nghe trẻ em và coi trọng ý kiến của chúng.

Yếu tố 4 (Y4): Bị bạn bè trong trường trêu chọc, bắt nạt bao gồm 3 items: Bị các bạn khác trong trường đánh; Bị những đứa trẻ khác trong trường gọi em bằng những tên không thân thiện; Bị các bạn khác trong lớp phớt lờ;

Yếu tố 5 (Y5): Vui chơi, giải trí, thư giãn bao gồm 5 items: Chơi trò chơi điện tử; Sử dụng phương tiện truyền thông xã hội; Đi chơi hoặc đi dã ngoại; Xem ti vi; Không làm gì hoặc nghỉ ngơi (ngoài việc ngủ vào ban đêm).

Yếu tố 6 (Y6): Giúp đỡ gia đình và chơi thể thao bao gồm 4 items: Giúp đỡ làm việc nhà; Chăm sóc các em hoặc các thành viên khác của gia đình; Làm việc cùng gia đình (Ví dụ như việc kinh doanh, việc đồng áng cùng gia đình); Chơi thể thao hoặc luyện tập.

Yếu tố 7 (Y7): Học thêm và làm bài tập bao gồm 2 items: Học các lớp học thêm/học với gia sư khi không ở trường; Làm bài tập về nhà và học bài.

4.2.1. Sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân

Nhóm trẻ 8 tuổi và 10 tuổi đưa ra đánh giá mức độ hài lòng về yếu tố sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân cao hơn không đáng kể so với nhóm trẻ 12 tuổi. Đối với trẻ 8 tuổi, trẻ hài lòng với nhiều nhất với việc “có những người trong gia đình em quan tâm đến em” (ĐTB=3,45; ĐLC=1,00). Thứ hai là “nếu có khó khăn, mọi người trong gia đình sẽ giúp em” (ĐTB=3,38; ĐLC=0,96). Thứ ba là “mọi người có những khoảng thời gian vui vẻ bên nhau” (ĐTB=3,34; ĐLC=1,04). Thứ tư là “em thấy an toàn ở nhà” (ĐTB=3,20;

ĐLC=1,23). Và cuối cùng là “cha mẹ lắng nghe và xem xét những gì em nói” (ĐTB=2,94; ĐLC=1,29). Đối với nhóm trẻ 10 tuổi, trẻ có mức độ đánh giá cao nhất ở việc “cha mẹ lắng nghe và xem xét những gì em nói” (ĐTB=3,03; ĐLC=1,22) và “cha mẹ và em cùng nhau đưa ra những quyết định liên quan đến cuộc đời của em” (ĐTB=2,94; ĐLC=1,31). Đối với nhóm trẻ 12 tuổi, chúng đều có mức đánh giá thấp hơn so với nhóm tuổi còn lại ở các items liên quan đến gia đình. Ở giai đoạn 8 đến 12 tuổi, trẻ luôn nhận được sự quan tâm, giáo dục phù hợp từ cha mẹ và gia đình. Điều đó đã giúp trẻ phát triển trí tuệ, nhân cách, phát triển tư duy độc lập, khả năng tự điều chỉnh hành vi cho phù hợp với chuẩn mực đạo đức, xã hội, mang lại sự hài lòng về cuộc sống gia đình của trẻ.

4.2.2. Sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè

Khi đánh giá về yếu tố sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè, nhóm trẻ 8 tuổi có mức độ hài lòng cao nhất (ĐTB=3,23; ĐLC=0,76), tiếp đến là nhóm trẻ 10 tuổi (ĐTB=3,15; ĐLC=0,79). Cuối cùng là nhóm trẻ em 12 tuổi (ĐTB=2,92; ĐLC=0,87). Trẻ em 8 tuổi hài lòng nhất với việc “Các thầy/cô giáo của em quan tâm đến em” (ĐTB=3,44; ĐLC=0,93). Trẻ em 10 tuổi cũng có mức độ hài lòng cao nhất về việc “Nếu em có vấn đề ở trường các thầy/cô của em sẽ giúp em” (ĐTB=3,43; ĐLC=0,97), “Các thầy/cô giáo của em lắng nghe em và xem xét những gì em nói” (ĐTB=3,18; ĐLC=1,15), “Ở trường, em có cơ hội để đưa ra những quyết định liên quan đến những việc quan trọng đối với em” (ĐTB=2,78; ĐLC=1,33), “Em cảm thấy an toàn ở trường” (ĐTB=3,32; ĐLC=1,03).

4.2.3. Sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống

Nhóm trẻ em 8 tuổi có mức độ hài lòng cao nhất về yếu tố sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống với ĐTB=3,13 và ĐLC=0,87. Thứ hai là nhóm trẻ 10 tuổi với ĐTB=2,99 và ĐLC=0,94. Cuối cùng là nhóm trẻ 12 tuổi có mức độ hài lòng thấp nhất với ĐTB=2,78; ĐLC=1,01. trẻ 8 tuổi đều có mức độ hài lòng cao nhất ở tất cả các items cụ thể như sau: cảm thấy an toàn khi đi quanh khu vực nơi em sống (ĐTB=3,27; ĐLC=1,18), trẻ hài lòng với việc nơi sống đủ chỗ chơi (ĐTB=3,29; ĐLC=1,20), nếu có vấn đề gì người ở khu vực sẽ

giúp em (ĐTB=3,15; ĐLC=1,24), người ở khu vực sống thân thiện với em (ĐTB=3,18; ĐLC=1,20).

4.2.4. Bị bạn bè bắt nạt

Nhóm trẻ em 12 tuổi bị bắt nạt nhiều nhất trong tháng vừa qua, mức điểm trung bình là 0,74; tiếp đến là nhóm trẻ 10 tuổi với điểm trung bình là 0,62. Cuối cùng là nhóm trẻ 8 tuổi với điểm trung bình là 0,59. Trẻ 12 tuổi có mức điểm trung bình cao nhất ở cả 3 hình thức bắt nạt học đường là bị các bạn trong trường đánh (không bao gồm việc đánh nhau hoặc chơi các trò đánh nhau), bị những đứa trẻ khác trong trường gọi em bằng những tên không thân thiện và bị các bạn khác trong lớp phớt lờ.

4.2.5. Học tập, vui chơi, giúp đỡ gia đình và chơi thể thao

Xét nhóm yếu tố vui chơi, giải trí, thư giãn bao gồm: Chơi trò chơi điện tử; Sử dụng phương tiện truyền thông xã hội; Đi chơi hoặc đi dã ngoại; Xem ti vi; Không làm gì hoặc nghỉ ngơi (ngoài việc ngủ vào ban đêm). Số liệu trên bảng cho thấy trẻ 12 tuổi có mức điểm trung bình cao nhất (ĐTB=2,52; ĐLC=1,04). Thứ hai là trẻ 10 tuổi (ĐTB=2,07; ĐLC=1,04). Cuối cùng là trẻ 8 tuổi (ĐTB=2,03; ĐLC=1,09). Khi tìm hiểu nhóm yếu tố học tập, vui chơi, giúp đỡ gia đình và chơi thể thao, trẻ em 12 tuổi sử dụng nhiều thời gian nhất để học bài và làm thêm bài, vui chơi, thư giãn và giải trí. Trẻ em 8 tuổi sử dụng nhiều thời gian nhất để giúp đỡ công việc gia đình và chơi thể thao

4.2.6. Điều kiện kinh tế

Đối với trẻ 8 tuổi, việc không có tiền tiêu vặt khiến cho 67,3% trẻ có mức độ hài lòng trung bình còn nếu có tiền tiêu vặt, 63% trẻ em cũng có mức độ hài lòng trung bình. Kể cả khi có hay không có điện thoại di động, số lượng trẻ em có mức độ hài lòng trung bình cũng lần lượt là 70,1% và 64,0%. Với nhóm trẻ có mức độ hài lòng khi có hay không có điện thoại di động, số lượng chênh lệch cũng không đáng kể. Đối với nhóm trẻ 10 và 12 tuổi, kết quả thu được cũng tương tự. Việc có hay không có điện thoại di động và tiền tiêu vặt cũng không ảnh hưởng đến mức độ hài lòng của trẻ em. Như vậy, điều kiện kinh tế ảnh hưởng không đáng kể thậm chí là ảnh hưởng rất nhỏ đến sự hài lòng

với cuộc sống của trẻ em. Kết quả này trùng với nhiều nghiên cứu của các nhà tâm lý học trên thế giới như Huebner và Gilman (2003), Seligson và đồng nghiệp (2005), Proctor, Linley và Maltby (2008).

4.2.7. Mối quan hệ giữa các yếu tố ảnh hưởng và sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em

Tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của bản thân trẻ, sự hài lòng với môi trường và mọi người xung quanh trẻ bao gồm các yếu tố sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân; Sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè; bị bắt nạt; Sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống; vui chơi, giải trí và thư giãn; giúp đỡ gia đình và chơi thể thao; học thêm và làm bài tập đều tương quan với nhau, hệ số tương quan Pearson r biến thiên từ -0,232 đến 0,591. Các yếu tố ảnh hưởng cũng tương quan mạnh với sự hài lòng của bản thân trẻ với cuộc sống, hệ số r biến thiên từ -0,231 đến 0,710.

Xét mối tương quan giữa các yếu tố ảnh hưởng với sự hài lòng với môi trường và mọi người xung quanh trẻ, kết quả cho thấy, tất cả các yếu tố ảnh hưởng bao gồm sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân; sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè; bị bắt nạt; sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống; vui chơi, giải trí và thư giãn; giúp đỡ gia đình và chơi thể thao; học thêm và làm bài tập đều tương quan thuận một cách có ý nghĩa với sự hài lòng với môi trường và mọi người xung quanh (r biến thiên từ -0,232 đến 0,541; $p < 0,001$). Đặc biệt, yếu tố trường học tương quan mạnh nhất ($r=0,541$; $p<0,001$). Bên cạnh đó, yếu tố bị bắt nạt tương quan nghịch đến sự hài lòng với các khía cạnh cuộc sống của trẻ ($r=-0,232$; $p<0,001$).

Tiểu kết chương 4

Tóm lại, kết quả phân tích cho thấy, các yếu tố ảnh hưởng tới sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em 8 đến 12 tuổi bao gồm: Sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân; Sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè; Sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống; Hoạt động vui chơi, giải trí và thư giãn; Giúp đỡ gia đình và chơi thể thao; Học thêm và làm bài tập đều tương quan thuận một cách có ý nghĩa với sự hài lòng với cuộc

sống cá nhân, sự hài lòng với các khía cạnh của cuộc sống của trẻ (Trừ yếu tố bị bắt nạt tương quan nghịch).

Như vậy nếu như trẻ có được sự quan tâm, lắng nghe, chia sẻ, tôn trọng từ phía gia đình; sự quan tâm, lắng nghe, giúp đỡ từ phía thầy cô, bạn bè; sự giúp đỡ, lắng nghe của người lớn ở khu vực sống, trẻ được vui chơi, giải trí, giúp đỡ gia đình việc vừa sức, học thêm và làm bài tập vừa khả năng và trẻ không bị bắt nạt thì trẻ sẽ cảm thấy hài lòng với cuộc sống.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Về mặt lý luận

(1) Luận án đã hệ thống hóa được các lý thuyết về sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em trên thế giới và bổ sung vào hệ thống nghiên cứu lý luận hiện đang được tiến hành nghiên cứu ở Việt Nam trong những năm gần đây.

(2) Luận án cũng đã chỉ ra được sự hài lòng của trẻ em bao gồm sự hài lòng của trẻ về môi trường và mọi người xung quanh (sự hài lòng của trẻ với những người trẻ em sống cùng; với cuộc sống của trẻ với tư cách là một học sinh; về những điều trẻ học được ở trường; về bạn bè trong lớp của trẻ; về khu vực nơi trẻ đang sống; với sự lắng nghe của người lớn đối với trẻ) và sự hài lòng với cuộc sống của bản thân trẻ (sự hài lòng với cảm nhận về sự an toàn của trẻ; với sự tự do mà trẻ có; với vẻ bề ngoài của trẻ; với những điều có thể xảy ra sắp tới trong cuộc sống của trẻ; với sức khỏe của trẻ; và với cuộc sống nói chung của trẻ). Trên cơ sở đó, luận án đã xây dựng được khung lý thuyết nghiên cứu sự hài lòng với cuộc sống của trẻ thông qua hai chiều cạnh đo lường, đó là hài lòng với cuộc sống của bản thân trẻ và hài lòng với môi trường và mọi người xung quanh.

(3) Từ những nghiên cứu tổng quan về sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em, luận án cũng đã xây dựng được khung lý thuyết các yếu tố có ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em từ 8 đến 12 tuổi đó là: Sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân; Sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè; Sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống; Hoạt động vui

chơi, giải trí và thư giãn; Giúp đỡ gia đình và chơi thể thao; Học thêm và làm bài tập; Bị bạn bè bắt nạt.

1.2. Về mặt thực tiễn

(1) Luận án đã đánh giá được mức độ hài lòng với cuộc sống của trẻ em từ 8 đến 12 tuổi ở Việt Nam và đánh giá mức độ sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em thông qua hai chiều cạnh: hài lòng với cuộc sống của bản thân trẻ, hài lòng với môi trường và mọi người xung quanh. Đa phần trẻ em có mức độ hài lòng trung bình về cuộc sống của bản thân trẻ, về môi trường và mọi người xung quanh. Mức độ hài lòng có xu hướng giảm đi theo lứa tuổi.

(2) Trong nhóm trẻ 10 và 12 tuổi, trẻ em thành thị hài lòng với cuộc sống nói chung, hài lòng với sự an toàn, về bề ngoài và hài lòng với những điều sắp xảy ra cao hơn trẻ em vùng nông thôn. Khi so sánh theo giới tính của trẻ 8 tuổi, bé gái có mức độ hài lòng về gia đình và về các khía cạnh cuộc sống cao hơn bé trai. Khi so sánh theo khu vực sống của trẻ 8 tuổi, trẻ em nông thôn có mức độ hài lòng với bạn bè cao hơn trẻ sống ở thành thị. Nhưng khi xét các khía cạnh gia đình, trường học, khu vực sống và sự hài lòng với các khía cạnh của cuộc sống của trẻ 10 và 12 tuổi, trẻ em thành thị lại có mức độ hài lòng cao hơn. Luận án cũng chỉ ra sự hài lòng với cuộc sống bản thân trẻ tương quan thuận một cách có ý nghĩa với cảm nhận hạnh phúc.

(3) Luận án đã đánh giá được mức độ ảnh hưởng và mức độ dự báo của các yếu tố ảnh hưởng tới sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em 8 đến 12 tuổi như: Sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân; Sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè; Sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống; Hoạt động vui chơi, giải trí và thư giãn; Giúp đỡ gia đình và chơi thể thao; Học thêm và làm bài tập đều tương quan thuận một cách có ý nghĩa với sự hài lòng với cuộc sống của bản thân trẻ, sự hài lòng với cuộc sống nói chung (Trừ yếu tố bị bắt nạt tương quan nghịch). Nhóm trẻ 8 tuổi và 10 tuổi đưa ra đánh giá mức độ hài lòng về yếu tố sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân cao hơn không đáng kể so với nhóm trẻ 12 tuổi. Xét đến nhóm yếu tố sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống, trẻ 8 tuổi hài lòng cao nhất, thứ hai là nhóm trẻ 10 tuổi và cuối cùng là nhóm trẻ 12 tuổi. Khi tìm hiểu nhóm yếu tố

học tập, vui chơi, giúp đỡ gia đình và chơi thể thao, trẻ em 12 tuổi sử dụng nhiều thời gian nhất để học bài và làm thêm bài, vui chơi, thư giãn và giải trí. Trẻ em 8 tuổi sử dụng nhiều thời gian nhất để giúp đỡ công việc gia đình và chơi thể thao. Điều kiện sống ảnh hưởng không đáng kể thậm chí là ảnh hưởng rất nhỏ đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em.

(4) Về phân tích trường hợp, việc phân tích chân dung tâm lý 2 nhân vật đã khẳng định thêm tính thuyết phục của lý thuyết và làm phong phú thêm kết quả nghiên cứu thực tiễn, là cơ sở để đề xuất một số biện pháp giúp trẻ hài lòng hơn với cuộc sống.

Từ các kết quả nghiên cứu như trên, luận án có cơ sở khoa học để đề xuất các giải pháp nâng cao sự hài lòng với cuộc sống trẻ em từ 8 đến 12 tuổi như trẻ cần có được sự quan tâm, lắng nghe, hỗ trợ của cha mẹ và người thân, sự quan tâm, lắng nghe, tôn trọng của thầy cô và sự giúp đỡ của bạn bè, sự quan tâm, giúp đỡ của mọi người trong khu vực sống. Trẻ cần được vui chơi, giải trí, giúp đỡ gia đình những việc vừa sức, học thêm và làm bài tập vừa khả năng và trẻ không bị bắt nạt thì trẻ sẽ cảm thấy hài lòng với cuộc sống.

2. Kiến nghị

Dựa vào kết quả nghiên cứu thực tiễn, chúng tôi xin đề xuất một vài kiến nghị sau:

2.1. Đối với học sinh

Bản thân trẻ em cần tích cực, chủ động tìm hiểu sự phát triển tâm sinh lý của lứa tuổi để hiểu những thay đổi tâm sinh lý về lứa tuổi này.

Các em cần trang bị các kỹ năng tự nhận thức bản thân, kỹ năng kiểm soát các cảm xúc tiêu cực nhằm tăng khả năng biểu lộ cảm xúc và nhận diện cảm xúc ở bản thân, cha mẹ, thầy cô và người lớn, giảm tối thiểu những mâu thuẫn không đáng có trong các mối quan hệ xã hội.

Các em cũng cần có các kỹ năng giao tiếp cần thiết để có thể chia sẻ với cha mẹ, thầy cô và người lớn, giúp trẻ tự tin hơn vào khả năng của mình, huy động các nguồn lực hỗ trợ của bản thân kịp thời và sự trợ giúp tận tình của người lớn.

Thêm vào đó, trẻ cũng cần mạnh dạn chia sẻ, trao đổi và đề đạt nguyện vọng với người lớn, đặc biệt là cha mẹ và thầy cô. Từ đó sẽ giúp cho trẻ ngày càng hoàn thiện nhân cách, phát triển một cách toàn diện và nâng cao khả năng tự đánh giá bản thân của trẻ.

2.2. Đối với cha mẹ

Cha mẹ cần đặc biệt quan tâm, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của con, dành nhiều thời gian cho con hơn để hiểu con về mọi mặt, từ các hoạt động học tập, vui chơi ở trường, ở nhà đến đời sống tình cảm của con.

Cha mẹ cũng cần trang bị cho bản thân các kỹ năng về quản lý cảm xúc, kỹ năng giao tiếp, lắng nghe, trang bị các kiến thức về tâm sinh lý lứa tuổi để chia sẻ, thấu hiểu con, giúp con tự tin hơn, hạnh phúc và hài lòng hơn với cuộc sống.

2.3. Đối với nhà trường

Nhà trường và gia đình cần phối hợp chặt chẽ trong việc giáo dục con cái, quan tâm chăm sóc học sinh về mọi mặt trong đời sống của trẻ như học tập, đạo đức, rèn luyện kỹ luật, cảm xúc cá nhân, tâm sinh lý lứa tuổi, hoạt động vui chơi, thể thao,...

Nhà trường cùng hỗ trợ thầy cô, cha mẹ, học sinh tham gia các khóa tập huấn kỹ năng hay tọa đàm trao đổi kiến thức với một số nội dung như: kỹ năng quản lý cảm xúc, kỹ năng quản lý thời gian, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng nhận thức bản thân, tọa đàm về bạo lực học đường, tọa đàm trao đổi về tâm sinh lý lứa tuổi... Từ đó giúp cho việc giáo dục trẻ được tốt hơn, tăng cường sự quan tâm, lắng nghe, chia sẻ của thầy cô với học sinh, đoàn kết học sinh với nhau, hạn chế tối thiểu hiện tượng bắt nạt học đường, bạo lực học đường. Như vậy có thể giúp cho trẻ tự tin, sống yêu thương, chan hòa và hài lòng với cuộc sống.

3. Hạn chế của luận án

Nghiên cứu có một số hạn chế nhất định. Mẫu nghiên cứu là các em đang theo học chưa nghiên cứu trẻ em từ 8 đến 12 tuổi ở ngoài nhà trường. Quy trình chọn mẫu thuận tiện có thể dẫn tới những hạn chế trong kết quả nghiên cứu. Các nghiên cứu tiếp theo nên chú ý chọn mẫu ngẫu nhiên, quan tâm tới cả nhóm trẻ ngoài trường học. Các nghiên cứu trong tương lai cần nghiên cứu thêm các yếu tố ảnh hưởng

khác như trải nghiệm cuộc sống, sự an toàn, việc sử dụng thời gian, nhân khẩu học, những thay đổi trong cuộc sống và nên có sự so sánh với các quốc gia trên thế giới theo hướng tiếp cận xuyên văn hóa để có cái nhìn sâu sắc và đa chiều hơn về sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em.

DANH MỤC CÁC BÀI BÁO LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Ngô Thị Hoàng Giang, Nghiên cứu yếu tố ảnh hưởng đến sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em, Tạp chí Tâm lý học Việt Nam, Số 9, 9-2020
2. Ngô Thị Hoàng Giang, Nghiên cứu sự hài lòng với cuộc sống của trẻ em từ 8 đến 12 tuổi, Tạp chí Tâm lý học Việt Nam, Số 10, 10-2020
3. Ngo Thi Hoang Giang, Truong Thi Khanh Ha, Life satisfaction of children aged from 8 to 12 years and related aspects, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học quốc tế: "Identification, assessment and intervention for children with specific learning disorders in school context", Trang 594-611, 11/2021
4. Trinh Thi Linh, Ngo Thi Hoang Giang, Truong Thi Khanh Ha, When are children satisfied with life? An initiative qualitative study from vietnamese children sample, Scien Progress, SAGE journals, Vol.104(4) 1-19, 22/12/2021, ISSN: 0036-8504, ISSN: 0036-8504Online
5. Thi Khanh Ha Truong, Ha Thu Tran, Thi Hoang Giang Ngo, Van Luot Nguyen, Quang Lan Tran, Mai Trang Ngo, Sibling bullying among Vietnamese children: the relation with peer bullying and subjective well-being, Current Issues in Personality Psychology, 27/10/2021, XB: 25/02/2022, ISSN:2353-4192, eISSN: 2353-561X